

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày: 24-03-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Quách Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Đang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Dương Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 13/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 11 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Mai Văn L, sinh ngày 28/8/1994, tại thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ A, phường TB, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Mai Văn T và bà Vũ Thị D1; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: (1) + ngày 21/6/2015 bị Công an phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp xử phạt vi phạm hành chính “cảnh cáo” về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; (2) + ngày 21/11/2015 bị Công an phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp xử phạt vi phạm hành chính “cảnh cáo” về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; (3) + ngày 04/12/2015, bị UBND của phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đến ngày 04/3/2016 chấp hành xong; (4) ngày 30/9/2016, bị Công an phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, thi hành xong ngày 25/10/2016; (5) ngày 27/7/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 02/8/2018; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Đỗ Thị Thiên Q, sinh ngày 15/02/1980, tại thành phố TĐ, Ninh Bình, nơi cư trú: Tổ B, phường BS, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch:

Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đỗ Trọng Nh và bà Hoàng Thị H; có chồng và 03 con; tiền sự: không; tiền án: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Hoàng Trung S, sinh năm 1991, trú tại thôn YL, xã YS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);
- Anh Nguyễn Công Th, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố ĐC, phường YB, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);
- Anh Phạm Duy L, sinh năm 1996, trú tại Tổ C, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);
- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982, trú tại thôn TN, xã QS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);
- Anh Vũ Văn H, sinh năm 1996, trú tại thôn TY, xã HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
- Anh Đinh Thế Q1, sinh năm 1976, trú tại Tổ D, phường TS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (có mặt);
- Ông Mai Văn T, sinh năm 1968, trú tại Tổ A, phường TB, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);
- Bà Vũ Thị D1, sinh năm 1968; trú tại Tổ A, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);
- Anh Phạm Đức Ph, sinh năm 1997; trú tại thôn Đ, xã ĐS, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

Người làm chứng:

- NLC1(vắng mặt);
- NLC2(vắng mặt);
- NLC3(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q chung sống với nhau như vợ chồng và cùng nhau mở cửa hàng mua bán xe đạp điện tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, Ninh Bình. Tại đây, Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đã có hành vi cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính. Khi có người đến cầm cố tài sản vay tiền, L là người trực tiếp giao dịch với người vay rồi trao đổi lại với Q để thống nhất về số tiền cho vay, lãi suất vay. Nếu người vay đồng ý vay thì Q là người trực tiếp giao tiền cho người vay, ghi sổ để theo dõi, còn L là người trực tiếp giao dịch với người vay. Đến khi người vay trả tiền gốc, lãi thì Q là người nhận và quản lý tiền. Cụ thể trong thời gian từ ngày 23/01/2021 đến ngày 25/8/2021, L và Q đã cho 05 người gồm các anh: Hoàng Trung S, Nguyễn Công Th, Phạm Duy L, Nguyễn Văn Đ và Vũ Văn H vay tiền với các mức lãi suất từ 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày (bằng 109,5%/năm gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015) và 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày (182,5%/năm, gấp 9,125 lần

mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015), dưới hình thức cầm cố ô tô, xe mô tô nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Cho anh Hoàng Trung S vay:

Vào ngày 23/01/2021 anh Hoàng Trung S gặp Q và L vay 20.000.000 đồng không xác định thời hạn trả nợ gốc và cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 35B1- 879.28. Q và L thống nhất mức lãi suất cho anh S vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày (bằng 109,5%/năm). Anh Hoàng Trung S đã trả cho Q và L số tiền lãi là 4.200.000 đồng tính đến ngày 03/4/2021 và chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Đối với khoản vay này số tiền lãi theo thỏa thuận vay giữa anh Hoàng Trung S với Đỗ Thị Thiên Q và Mai Văn L (tính từ ngày 23/01/2021 đến ngày 25/8/2021) là $3.000đ \times 20 \times 214 \text{ ngày} = 12.840.000đ$. Tính theo quy định của pháp luật dân sự mức lãi suất tối đa của khoản tiền vay là 20% thì Q và L được phép thu số tiền lãi của khoản vay này là: $20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 214 \text{ ngày} = 2.345.205đ$. Như vậy, số tiền mà Q và L thu lợi bất chính của khoản vay này là: $12.840.000đ - 2.345.205đ = 10.494.795 \text{ đồng}$.

Lần thứ 2: Ngày 07/4/2021 anh Hoàng Trung S gặp Q và L vay 20.000.000 đồng và cầm cố lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 35B2 – 696.34 với mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, Q giao cho anh S 20.000.000 đồng. Đến ngày 26/4/2021 anh S đã trả cho Q 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận của khoản vay này 19 ngày (từ ngày 07/4/2021 đến ngày 26/4/2021) được tính $3000đ \times 20 \times 19 = 1.140.000 \text{ đồng}$. Sau khi nhận đủ tiền gốc và tiền lãi của khoản vay này thì L đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 35B2 - 696.34 và giấy đăng ký xe cho anh S.

Theo quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất tối đa của khoản tiền vay là 20% thì Q và L được phép thu số tiền lãi của khoản vay này là: $20.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 19 \text{ ngày} = 208.219 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền mà Q và L thu lợi bất chính của khoản vay này là: $1.140.000đ - 208.219đ = 931.781 \text{ đồng}$.

Lần thứ 3: Vào ngày 19/5/2021 anh S cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo lacetti, biển kiểm soát 90A - 007.74 cho Q và L vay số tiền 50.000.000 đồng, mức lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ 1ngày. Đến ngày 02/6/2021 anh S gặp Q và L tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp tại đây anh S trả cho Q và L 40.000.000 đồng tiền gốc, nợ lại 10.000.000 đồng và trả 2.100.000đ tiền lãi của 14 ngày (từ ngày 19/5/2021 đến ngày 02/6/2021). Sau khi Q nhận tiền xong thì L đưa lại xe ô tô cho anh S, nhưng vẫn giữ lại giấy đăng ký xe, cho anh S nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc và vẫn tính lãi suất như trên.

Ngày 26/6/2021 anh S tiếp tục vay thêm của L và Q số tiền 30.000.000 đồng (Thời điểm này số tiền Q và L cho anh S vay được tính là 40.000.000 đồng do S còn nợ lại 10.000.000đ tiền gốc kể từ ngày 02/6/2021) với mức lãi suất 3.000đ/1.000đ/1 ngày. Q là người giao cho anh S 30.000.000 đồng.

Ngày 27/6/2021 anh S vay thêm L và Q số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất vẫn tính là 3000đ/1.000.000đ/ 1 ngày (Thời điểm này số tiền cho anh S vay được tính là 70.000.000 đồng do anh S còn nợ 40.000.000đ tiền gốc kể từ ngày 26/6/2021). Q giao cho anh S 30.000.000 đồng và yêu cầu anh S để lại chiếc xe ô

tô biển kiểm soát 90A - 007.74 (do trước đó giấy đăng ký chiếc xe này thì L và Q đang giữ), anh S đồng ý. L yêu cầu anh S viết số tiền vay 70.000.000 đồng vào tờ giấy biên nhận bán xe.

Ngày 28/6/2021 anh S trả cho Q và L 30.000.000đ tiền gốc (còn nợ lại Q và L là $70.000.000đ - 30.000.000đ = 40.000.000đ$) và trả 840.000đ tiền lãi bao gồm: 720.000đ tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng từ ngày 02/6/2021 đến ngày 26/6/2021 và 120.000đ tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 26/6/2021 đến ngày 27/6/2021.

Ngày 30/6/2021 anh S đến gặp Q và L tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp và vay tiếp của Q và L số tiền 20.000.000đ (Thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 60.000.000 đồng do S còn nợ 40.000.000 đồng tiền gốc kể từ ngày 28/6/2021). Đến ngày 06/7/2021 anh S gặp L và Q trả cho Q 42.000.000 đồng tiền gốc (Tính đến thời điểm này anh S chỉ còn nợ lại tiền gốc là 18.000.000 đồng), S chưa trả tiền lãi.

Ngày 09/7/2021 anh S gặp Q và L vay tiếp của Q và L số tiền 40.000.000đ (Tính đến thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 58.000.000 đồng)

Ngày 17/7/2021 S gặp Q và L trả 58.000.000đ tiền gốc (Thời điểm này S đã trả hết số tiền gốc vay) và trả 1.000.000đ tiền lãi của khoản vay 60.000.000đ từ ngày 30/6/2021 đến ngày 06/7/2021 (lãi theo thỏa thuận anh S phải trả cho L và Q tiền lãi 1.080.000 đồng, nhưng do thiếu tiền nên L và Q cho S số tiền lãi 80.000 đồng, chỉ phải đưa cho L và Q số tiền 1.000.000 đồng). Tính đến ngày 17/7/2021 thì anh Hoàng Trung S đã trả hết tiền số tiền gốc vay của khoản vay nêu trên cho Đỗ Thị Thiên Q và Mai Văn L.

Ngày 22/7/2021 anh S gặp Q và L tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp. Tại đây anh S vay của Q và L số tiền 10.000.000 đồng, mức lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày.

Ngày 25/7/2021 anh S gặp Q và L tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp. Tại đây anh S vay tiếp của Q và L số tiền 40.000.000đ (Tính đến thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 50.000.000 đồng do S còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc kể từ ngày 22/7/2021).

Ngày 26/7/2021 anh S gặp Q và L tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp. Tại đây S vay tiếp của Q và L số tiền 10.000.000đ (Tính đến thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 60.000.000đ do anh S còn nợ 50.000.000đ tiền gốc kể từ ngày 25/7/2021).

Ngày 27/7/2021 S gặp Q và L tại số nhà 195, tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp. Tại đây S vay tiếp của Q và L số tiền 10.000.000đ (Tính đến thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 70.000.000 đồng do anh S còn nợ 60.000.000 đồng tiền gốc kể từ ngày 26/7/2021).

Ngày 29/7/2021 S vay tiếp của Q và L số tiền 10.000.000đ (Tính đến thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 80.000.000 đồng do anh S còn nợ 70.000.000 đồng tiền gốc kể từ ngày 27/7/2021).

Ngày 31/7/2021 S gặp Q và L tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp. Tại đây S vay tiếp của Q và L số tiền 5.000.000 đồng (Tính đến thời điểm này số tiền vay Q và L tính với anh S là 85.000.000đ do S còn nợ

80.000.000đ tiền gốc kể từ ngày 29/7/2021).

Như vậy, đến ngày 25/8/2021 anh Hoàng Trung S đang nợ Q và L số tiền gốc 85.000.000đ và đã trả cho Q và L số tiền lãi là 3.940.000đ của hợp đồng vay này. Đối với khoản vay này số tiền lãi theo thỏa thuận vay giữa anh Hoàng Trung S với Đỗ Thị Thiên Q và Mai Văn L là: 13.719.000đ bao gồm:

- Khoản vay 50.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 19/5/2021 đến ngày 02/6/2021, tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 50 \times 14 \text{ ngày} = 2.100.000 \text{ đồng}$; tiền lãi theo quy định là: $50.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 14 \text{ ngày} = 383.562 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là: 1.716.438 đồng.

- Khoản vay 10.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 02/6/2021 đến ngày 26/6/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 10 \times 24 \text{ ngày} = 720.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $10.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 131.507 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là: 588.493 đồng.

- Khoản vay 40.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 26/6/2021 đến ngày 27/6/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 40 \times 1 \text{ ngày} = 120.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $40.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 1 \text{ ngày} = 21.918 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là 98.082 đồng.

- Khoản vay 70.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 27/6/2021 đến ngày 28/6/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 70 \times 1 \text{ ngày} = 210.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $70.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 1 \text{ ngày} = 38.356 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là 171.644 đồng.

- Khoản vay 40.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 28/6/2021 đến ngày 30/6/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 40 \times 2 \text{ ngày} = 240.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $40.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} = 43.836 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là 196.164 đồng.

- Khoản vay 60.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 30/6/2021 đến ngày 06/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 60 \times 6 \text{ ngày} = 1.080.000 \text{ đồng}$, nhưng khi thanh toán L và Q chỉ lấy 1.000.000 đồng cho còn cho S số tiền 80.000 đồng, chỉ lấy lãi 1.000.000 đồng. số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $60.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 6 \text{ ngày} = 197.260 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là 882.140 đồng.

- Khoản vay 18.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 06/7/2021 đến ngày 09/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 18 \times 3 \text{ ngày} = 162.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $18.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày} = 29.589 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là 132.411 đồng.

- Khoản vay 58.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 09/7/2021 đến ngày 17/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 58 \times 8 \text{ ngày} = 1.392.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ

luật Dân sự năm 2015 được tính là: $58.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 8 \text{ ngày} = 254.247 \text{ đồng}$; Tiền thu lời bất chính được xác định là 1.137.753 đồng.

- Khoản vay 10.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 22/7/2021 đến ngày 25/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 10 \times 3 \text{ ngày} = 90.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $10.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 3 \text{ ngày} = 16.438 \text{ đồng}$; Tiền thu lời bất chính được xác định là 73.562 đồng.

- Khoản vay 50.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 25/7/2021 đến ngày 26/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 50 \times 1 \text{ ngày} = 150.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $50.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 1 \text{ ngày} = 27.397 \text{ đồng}$; Tiền thu lời bất chính được xác định là 122.603 đồng.

- Khoản vay 60.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 26/7/2021 đến ngày 27/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 60 \times 1 \text{ ngày} = 180.000đ$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $60.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 1 \text{ ngày} = 32.877 \text{ đồng}$; Tiền thu lời bất chính được xác định là 147.123 đồng.

- Khoản vay 70.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 27/7/2021 đến ngày 29/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 70 \times 2 \text{ ngày} = 420.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $70.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} = 76.712 \text{ đồng}$; Tiền thu lời bất chính được xác định là 343.288 đồng.

- Khoản vay 80.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 29/7/2021 đến ngày 31/7/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 80 \times 2 \text{ ngày} = 480.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $80.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 2 \text{ ngày} = 87.671 \text{ đồng}$; Tiền thu lời bất chính được xác định là 392.329 đồng.

- Khoản vay 85.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 31/7/2021 đến ngày 25/8/2021 tương ứng với số tiền lãi theo thỏa thuận là: $3.000đ \times 85 \times 25 \text{ ngày} = 6.375.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 được tính là: $85.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 25 \text{ ngày} = 1.164.384 \text{ đồng}$. Tiền thu lời bất chính được xác định là 5.210.616 đồng.

Tính đến ngày 25/8/2021, trong tất cả các lần cho vay, Q và L đã sử dụng thực tế số tiền là 295.000.000đ (bao gồm 20.000.000đ của hợp đồng cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 35B1- 879.28; 20.000.000đ của hợp đồng cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 35B2- 696.34; 255.000.000đ của hợp đồng cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo laceti, biển kiểm soát: 90A - 007.74) để cho anh Hoàng Trung S vay và số tiền lãi theo thỏa thuận phải trả cho L và Q là 27.619.000 đồng, số tiền lãi tính theo mức cao nhất (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 là 5.059.178 đồng, số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho anh Hoàng Trung S vay là 22.559.822 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi chín nghìn tám trăm hai mươi hai đồng) của cả ba lần vay đã nêu trên.

2. Cho anh Nguyễn Công Th vay:

Ngày 02/5/2021 anh Nguyễn Công Th đến số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình gặp Đỗ Thị Thiên Q và Mai Văn L, anh Th nói với Q và L: “Anh có việc nên đến mượn hai em 60.000.000đ anh để lại con xe Ford Laser cho em giữ, khi nào có tiền anh chuộc về”. L và Q hiểu ý anh Th muốn vay số tiền 60.000.000 đồng và cầm lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Laser, biển kiểm soát 35A- 019. 33. L và Q bàn với nhau đưa ra mức lãi suất vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, rồi nói lại cho anh Th biết thì anh Th đồng ý và đưa xe ô tô và giấy đăng ký xe ô tô nêu trên cho L để cầm cố. Q giao cho anh Th số tiền 60.000.000 đồng, vì anh Th là chỗ quan hệ quen biết nên Q và L không yêu cầu anh Th phải viết giấy vay. Sau khi giao tiền cho anh Th xong, Q viết lại số tiền 60.000.000 đồng cho anh Th vay và ngày vay vào một quyển vở của Q để theo dõi. Đến ngày 09/5/2021 anh Th gặp Q tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tại đây anh Th trả cho Q 60.000.000 đồng tiền gốc và 1.260.000đ tiền lãi của 7 ngày (từ ngày 02/5/2021 đến ngày 09/5/2021) theo thỏa thuận của khoản vay này là: $3.000đ \times 60 \times 7 \text{ ngày} = 1.260.000 \text{ đồng}$. Sau khi Q nhận đầy đủ tiền gốc và tiền lãi xong thì Q bảo L đưa lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Laser, biển kiểm soát 35A- 019.33 cùng đăng ký xe cho anh Th. Tính theo quy định của Bộ luật dân sự về mức lãi suất tối đa là 20%/năm của khoản tiền vay thì Q và L được phép thu của khoản vay này là: $60.000.000đ \times 20\% : 365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 230.137 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền mà Q và L thu lợi bất chính của khoản vay này là: $1.260.000 \text{ đồng} - 230.137 \text{ đồng} = 1.029.863 \text{ đồng}$ (Một triệu không trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

3. Cho anh Phạm Duy L vay:

Vào ngày 09/6/2021 anh Phạm Duy L đi chiếc xe ô tô nhãn hiệu Madaz 626, biển kiểm soát 29U- 817.19 đến gặp Q và L tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, Ninh Bình. Tại đây anh L nói với L là: “Cho em cầm chiếc xe Madaz 626 này để vay 35.000.000 đồng”. L hiểu ý là anh L muốn vay 35.000.000 đồng và cầm lại chiếc xe ô tô trên. L bảo anh L đưa giấy tờ xe cho L kiểm tra. Sau khi kiểm tra xong thì L và Q thống nhất mức lãi suất đưa ra là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, anh L đồng ý, sau đó Q đưa cho anh L 35.000.000 đồng, L đưa tờ giấy mẫu biên nhận bán xe cho anh L viết số tiền vay 35.000.000đ và ngày vay vào tờ giấy này. Đến ngày 16/6/2021 thì anh L gặp L và Q tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp trả cho L và Q 35.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận của 07 ngày (từ ngày 09/6/2021 đến ngày 16/6/2021) được tính $3.000đ \times 35 \times 7 = 735.000 \text{ đồng}$, nhưng Q và L chỉ lấy 700.000 đồng. Sau khi Q nhận đủ số tiền gốc và lãi xong thì L đã đưa lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Madaz 626, biển kiểm soát 29U- 817.19 và giấy đăng ký xe cho anh L. Theo quy định của Bộ luật dân sự, mức lãi suất tối đa của khoản tiền vay là 20%/năm thì Q và L được phép thu của khoản vay này là: $35.000.000đ \times 20 : 365 \text{ ngày} \times 7 \text{ ngày} = 134.247 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền mà Q và L thu lợi bất chính của khoản vay này là: $700.000đ - 134.247đ = 565.753 \text{ đồng}$ (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng).

4. Cho anh Nguyễn Văn Đ vay:

Vào ngày 19/7/2021 Anh Nguyễn Văn Đ đi xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios,

biển kiểm soát 35A- 205.78 đến gặp Q và L tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Tại đây anh Đ nói với Q và L: “Cho anh vay 200.000.000 đồng, anh để lại chiếc Vios”. Q và L hiểu ý anh Đ muốn vay 200.000.000 đồng và cầm lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển kiểm soát 35A- 205.78. L kiểm tra xe và giấy tờ xe của chiếc xe này, sau đó Q và L bàn với nhau chỉ cho anh Đ vay 120.000.000 đồng với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ 1 ngày. Q nói lại cho anh Đ mức tiền vay và mức lãi như đã bàn với L trước đó, anh Đ đồng ý vay với mức lãi như Q đã đưa ra. Anh Đ thống nhất với Q vay số tiền 120.000.000 đồng với thời hạn là 30 ngày (kể từ ngày 19/7/2021 đến ngày 19/8/2021) và trả trước tiền lãi của khoản vay (theo thỏa thuận tiền lãi của khoản vay này là $3.000đ \times 120 \times 30 \text{ ngày} = 10.800.000đ$). Do vậy khi giao tiền thì Q đã cắt luôn tiền lãi 30 ngày tương ứng số tiền 10.800.000 đồng và chỉ đưa cho anh Đ số tiền 109.200.000 đồng. Sau khi nhận tiền xong thì L yêu cầu anh Đ viết số tiền vay 120.000.000 đồng và ngày vay 19/7/2021 vào tờ giấy biên nhận bán xe mà L và Q đã chuẩn bị từ trước. Đến ngày 18/8/2021 do chưa đủ 120.000.000 đồng tiền gốc để trả cho Q và L nên anh Đ đến gặp L và Q tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, Ninh Bình để tiếp tục vay số tiền này thêm 30 ngày nữa, Q và L đồng ý cho anh Đ vay thêm 30 ngày tiếp theo và cùng mức lãi suất 3.000đ /1.000.000đ/1 ngày, tại đây anh Đ tiếp tục trả cho Q bằng hình thức chuyển khoản số tiền 10.800.000 đồng tiền lãi của 30 ngày (từ ngày 19/8/2021 đến ngày 19/9/2021, theo thỏa thuận mức lãi của khoản vay này là $3.000đ \times 120 \times 30 \text{ ngày} = 10.800.000đ$). Theo quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất tối đa của khoản tiền vay là 20% thì Q và L chỉ được phép thu của khoản vay này là: $120.000.000đ \times 20 : 365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 3.945.205 \text{ đồng}$. Đến ngày 28/10/2021 anh Nguyễn Văn Đ đã trả đủ cho L, Q số tiền gốc 120.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền thì L và Q không lấy lãi đối với khoản vay này từ ngày 19/9/2021 đến ngày 28/10/2021.

Như vậy số tiền mà Q và L thu lợi bất chính của khoản vay này là: $21.600.000đ - 3.945.205đ = 17.654.795 \text{ đồng}$ (Mười bảy triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng).

5. Cho anh Vũ Văn H vay:

Ngày 25/8/2021 anh H đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 29L5- 299.37 đến số nhà 195 tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, Ninh Bình, tại đây anh H gặp L và Q và nói: “Cho em vay 50.000.000đ em cắt lãi luôn 30 ngày và để lại con Sh này”. Q và L hiểu ý anh H muốn vay 50.000.000 đồng thời hạn 30 ngày và để lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 29L5- 299.37. Q và L bàn bạc thống nhất mức lãi suất cho anh H vay là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Q và L nói lại lãi suất vay cho anh H biết thì anh H đồng ý với mức lãi suất mà Q và L đưa ra, sau đó L đã yêu cầu anh H viết số tiền vay 50.000.000đ và ngày vay 25/8/2021 vào tờ giấy biên nhận bán xe. Do không có đủ tiền để cho anh H vay nên L đi xe mô tô biển kiểm soát 29L5- 299.37 của anh H và cầm theo giấy đăng ký xe mô tô này đi đến gặp anh Đinh Thế Q1, sinh năm 1976, nhà ở Tổ 7, phường Tây Sơn, thành phố Tam Điệp. Tại đây L nói với anh Q: “Cho em vay 50.000.000đ, em để lại chiếc xe Honda Sh

cho anh giữ”. Anh Q trả lời: “Chỉ còn 42.500.000đ có lấy không” thì L đồng ý, sau đó anh Q đưa cho L 42.500.000 đồng và giữ lại đăng ký của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29L5- 299.37. Sau đó anh Q chở L về nhà tại Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, Ninh Bình. Tại đây L đưa 42.500.000đ cho Đỗ Thị Thiên Q đếm lại, Q xác định đủ 42.500.000 đồng rồi đưa lại cho L. L đã đưa cho anh H 42.500.000 đồng, anh H hiểu Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đã thu luôn 30 ngày tiền lãi (từ ngày 25/8/2021 đến 25/9/2021) của khoản vay 50.000.000 là 7.500.000đ (theo thỏa thuận tiền lãi của khoản vay này là 5.000đ x 50 x 30 ngày = 7.500.000đ). Ngay sau khi L vừa đưa cho anh H số tiền 42.500.000 đồng thì bị Tổ công tác Công an thành phố Tam Điệp kiểm tra phát hiện lập biên bản sự việc, thu giữ số tiền 42.500.000 đồng mà L cho anh H vay, thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 29L5- 299.37 và 01 đăng ký xe để điều tra, xác minh làm rõ. Theo quy định của Bộ luật dân sự mức lãi suất tối đa của khoản tiền vay là 20%/năm thì Q và L chỉ được phép thu lãi của khoản vay này là: 50.000.000đ x 20%: 365 ngày x 30 ngày = 821.918đ. Số tiền mà Q và L thu lợi bất chính của khoản vay này là: 7.500.000đ – 821.918đ = 6.678.082 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Như vậy, trong thời gian từ ngày 23/01/2021 đến ngày 25/8/2021, thông qua giao dịch cầm cố tài sản cho vay, Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đã cho 05 người vay tổng cộng 560.000.000 đồng (bao gồm: cho anh Hoàng Trung S vay 295.000.000 đồng, cho anh Phạm Duy L vay 35.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Công Th vay 60.000.000 đồng, cho anh Nguyễn Văn Đ vay 120.000.000 đồng và cho anh Vũ Văn H vay 50.000.000 đồng) với các mức lãi suất từ 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày (bằng 109,5%/năm gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015) và 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày (182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015).

Tổng số tiền lãi theo thỏa thuận giữa Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q với 05 người vay là 58.679.000 đồng (Năm mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng), trong đó:

Tổng số tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định tại khoản 1 Điều 418 của Bộ luật Dân sự năm 2015 mà Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q được phép thỏa thuận cho 05 người vay là 10.190.685 đồng (bao gồm: số tiền lãi được phép thỏa thuận lần lượt với các anh: Hoàng Trung S là 5.059.178 đồng, Nguyễn Công Th là 230.137 đồng, Phạm Duy L là 134.247 đồng, Nguyễn Văn Đ là 3.945.205 đồng và Vũ Văn H phải trả 821.918 đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính là 48.488.315 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm mười lăm đồng) (bao gồm thu lợi bất chính đối với khoản vay của anh Hoàng Trung S là 22.559.822 đồng, đối với anh Nguyễn Công Th là 1.029.863 đồng, đối với anh Phạm Duy L là 565.753 đồng, đối với anh Nguyễn Văn Đ là 17.654.795 đồng và đối với anh Phạm Văn H là 6.678.082 đồng).

Trong quá trình thực hiện việc giao dịch cho vay, Mai Văn L và Đỗ Thị

Thiên Q đã thu được tiền lãi của 05 người vay là 40.340.000 đồng (bao gồm: thu của Hoàng Trung S 9.280.000 đồng, thu của Phạm Duy L 700.000 đồng, thu của Nguyễn Văn Đ 21.600.000 đồng, thu của Nguyễn Công Th 1.260.000 đồng và thu của Vũ Văn H 7.500.000 đồng).

Trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự, 05 người vay nêu trên đã trả cho L và Q tổng số tiền gốc là 405.000.000 đồng (gồm trả bằng tiền mặt số tiền 246.000.000 đồng, trả bằng hình thức chuyển vào tài khoản của Đỗ Thị Thiên Q số tiền 159.000.000 đồng) trong đó: anh Hoàng Trung S trả 190.000.000 đồng, anh Nguyễn Công Th trả 60.000.000 đồng, anh Phạm Duy L trả 35.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn Đ trả 120.000.000 đồng. Số tiền gốc mà những người vay còn nợ chưa trả cho L và Q là 255.000.000 đồng, trong đó của anh Hoàng Trung S là 105.000.000 đồng, của anh Vũ Văn H là 50.000.000 đồng.

Đối với tổng số tiền 560.000.000 đồng L và Q dùng cho vay lãi nặng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã thu giữ của anh Vũ Văn H số tiền 43.322.000 đồng (gồm 42.500.000 đồng bị Công an thành phố Tam Điệp phát hiện thu giữ ngày 25/8/2021 và 822.000 đồng do anh Vũ Văn H giao nộp ngày 07/12/2021), còn lại số tiền 516.678.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp chưa thu hồi được, trong đó: của Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q là 405.000.000 đồng, của anh Hoàng Trung S là 105.000.000 đồng và của anh Vũ Văn H là 6.678.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp còn thu giữ các vật chứng là tài liệu, đồ vật, tài sản, cụ thể:

- Ngày 25/8/2021 tại số nhà 195, Tổ 18, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp đã thu giữ các đồ vật, tài liệu do Mai Văn L giao nộp gồm: 01 quyển vở ô ly nhãn hiệu HONG HA loại 48 trang kích thước (23,6 x 16,8) cm, bên trong vở có chữ viết của Đỗ Thị Thiên Q và Mai Văn L ghi nội dung liên quan đến việc Q và L cho các anh Hoàng Trung S, Nguyễn Công Th, Phan Duy L, Nguyễn Văn Đ, Vũ Văn H vay tiền; 01 giấy biên nhận bán xe kích thước (29,5 x 21)cm ghi ngày 07/4/2021 có chữ ký và tên người bán là Hoàng Trung S, giá bán 20.000.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển kiểm soát 29L5- 299.37 đã qua sử dụng là tài sản do anh Vũ Văn H cầm cố cho L và Q để vay số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 25/8/2021 tại Tổ 10, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp đã thu giữ đồ vật, tài liệu, tài sản do bà Vũ Thị D1 giao nộp gồm:

- + 08 tờ giấy có cùng kích thước (29,5 x 21) cm được in sẵn dạng mẫu giấy biên nhận bán xe đánh bằng chữ vi tính, trên 08 tờ giấy có chữ viết, chữ số của Q và L, có ghi các chữ số, chữ viết, chữ ký của người vay tiền bằng mực bút bi các nội dung liên quan đến việc cầm cố, thế chấp tài sản và số tiền mà L và Q cho các anh: Hoàng Trung S, Nguyễn Công Th, Phan Duy L, Nguyễn Văn Đ và Vũ Văn H vay tiền.

- + 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS biển kiểm soát 35A – 205.78 và 01 giấy biên nhận thế chấp số 6283594 của xe ô tô này là tài sản, giấy tờ của anh Nguyễn Văn Đ dùng cầm cố vay tiền của L và Q.

- + 01 căn cước công dân số 037082002820 mang tên Nguyễn Văn Đ;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh bạc, biển kiểm soát 35B1- 879.28, số khung: 0610FY070684, số máy: G3D4E079987; 01 đăng ký xe mô tô số biển kiểm soát 35B1- 879.28 số 019375 là tài sản, giấy tờ xe của anh Hoàng Trung S dùng cầm cố vay tiền của L và Q.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO LACETTI SE-1 màu sơn đen, biển kiểm soát 90A-007.74; số khung: KLLANF 46D8, số máy F16D32554211 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 90A-007.74 số 002421 mang tên Hoàng Trung S, đây là tài sản, giấy tờ xe do anh Hoàng Trung S dùng cầm cố vay tiền của L và Q.

Tại cơ quan điều tra, Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q thừa nhận hành vi cho nhiều người vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính nội dung sự việc đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-TPTĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn L từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án của Tòa án, khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ 5% đến 10%. Phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Giao bị cáo Mai Văn L cho UBND phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Tân Bình giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thiên Q từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 43.322.000 đồng đã thu giữ do các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q dùng cho Anh Vũ Văn H vay lãi nặng để thu lợi bất chính.

- Buộc các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải

nộp các khoản tiền sau đây để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ Đối với Đỗ Thị Thiên Q số tiền 205.920.500 đồng (bao gồm: tiền dùng cho người khác vay lãi nặng 202.500.000 đồng, tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay là 3.420.500 đồng)

+ Đối với Mai Văn L số tiền 205.920.500 đồng (bao gồm: tiền dùng cho người khác vay lãi nặng 202.500.000 đồng, tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu được của những người vay là 3.420.500 đồng)

+ Đối với anh Hoàng Trung S số tiền 105.000.000 đồng (có được do vay của Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q);

+ Đối với anh Vũ Văn H số tiền 6.678.000 đồng (có được do vay của Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q).

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 123, khoản 2 Điều 131, Điều 288, Điều 290; khoản 1 Điều 468 và Điều 579 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phải liên đới trả lại cho anh Hoàng Trung S số tiền 7.570.000 đồng, Anh Vũ Văn H số tiền 6.678.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ số tiền 17.655.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q thừa nhận trong thời gian từ ngày 23/01/2021 đến ngày 25/8/2021, thông qua giao dịch cầm cố tài sản cho vay, Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đã thỏa thuận cho 05 người vay tổng số tiền 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó thỏa thuận cho các anh: Hoàng Trung S vay số tiền 295.000.000 đồng, Phạm Duy L vay số tiền 35.000.000 đồng, Nguyễn Công Th vay số tiền 60.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ vay số tiền 120.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày; thỏa thuận cho anh Vũ Văn H vay số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Mức lãi suất mà L và Q thỏa thuận với năm người vay nêu trên đã vượt gấp hơn 5 lần mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nhằm mục đích thu lợi bất chính tổng số tiền là 48.488.315 đ (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm mười lăm đồng), diễn biến sự việc đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận việc bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

Quá trình điều tra, anh Hoàng Trung S trình bày có vay của các bị cáo nhiều lần với tổng số tiền là 295.000.000đ (bao gồm 20.000.000đ của hợp đồng cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát 35B1- 879.28; 20.000.000đ của hợp đồng cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 35B2- 696.34; 255.000.000đ của hợp đồng cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Daewoo laceti, biển kiểm soát: 90A - 007.74) với mức lãi suất 3000đ/1000.000đ/ngày. Đến nay anh S đã trả cho Q, L anh Hoàng Trung S trả 190.000.000 đồng tiền gốc và 8.140.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 105.000.000 tiền gốc. Anh S đề nghị buộc các bị cáo trả lại cho anh S số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật là 7.570.411 đồng. Anh Hoàng Trung S đồng ý nộp lại số tiền 105.000.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước

Quá trình điều tra, anh Vũ Văn H trình bày ngày 25/8/2021 có vay của các bị cáo số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày, anh H đã trả cho các bị cáo số tiền lãi là 7.500.000 đồng (do các bị cáo tự cắt lại từ khoản tiền gốc). Anh H đề nghị buộc các bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền lãi vượt quá mức quy định là 6.678.082 đồng. Anh H đồng ý nộp lại cho nhà nước số tiền gốc còn lại là 6.678.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn Đ trình bày có vay của các bị cáo vào ngày 19/7/2021 số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn vay 30 ngày, trả trước tiền lãi là 10.800.000đ. Do vậy khi giao tiền thì Q đã cắt luôn tiền lãi 30 ngày tương ứng số tiền 10.800.000 đồng và chỉ đưa cho anh Đ số tiền 109.200.000 đồng. Đến ngày 18/8/2021 anh Đ tiếp tục vay số tiền này thêm 30 ngày nữa, Q và L đồng ý cho anh Đ vay thêm 30 ngày tiếp theo và cùng mức lãi suất 3.000đ /1.000.000đ/1 ngày, tại đây anh Đ tiếp tục trả cho Q bằng hình thức chuyển khoản số tiền 10.800.000 đồng tiền lãi của 30 ngày (từ ngày 19/8/2021 đến ngày 19/9/2021, theo thỏa thuận mức lãi của khoản vay này là $3.000đ \times 120 \times 30 \text{ ngày} = 10.800.000đ$). Đến ngày 28/10/2021 anh Nguyễn Văn Đ đã trả đủ cho L, Q số tiền gốc 120.000.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền thì L và Q không lấy lãi đối với khoản vay này từ ngày 19/9/2021 đến ngày 28/10/2021. Số tiền lãi vượt quá quy định là $21.600.000đ - 3.945.205đ = 17.654.795$ đồng (Mười bảy triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), anh Nguyễn Văn Đ đề nghị buộc các bị cáo trả lại cho anh Đ số tiền 17.654.795 đồng.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Công Th trình bày có vay của các bị cáo số tiền 60.000.000 đồng, mức lãi suất vay là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Anh Th trả cho Q 60.000.000 đồng tiền gốc và 1.260.000đ tiền lãi của 7 ngày (từ ngày 02/5/2021 đến ngày 09/5/2021). Số tiền lãi vượt quá quy định là 1.029.863 đồng (Một triệu không trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng), anh Th không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả.

Quá trình điều tra, anh Phạm Duy L trình bày có vay của các bị cáo 35.000.000 đồng, mức lãi suất đưa ra là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Đến ngày 16/6/2021 thì anh L đã trả cho L và Q 35.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận của 07 ngày (từ ngày 09/6/2021 đến ngày 16/6/2021) là 700.000 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định là 565.753 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), anh L không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, thông tin các bị cáo ghi chép các khoản cho vay trong quyển sổ đã thu giữ, các giấy mua bán xe đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các

bị cáo như sau: trong thời gian từ ngày 23/01/2021 đến ngày 25/8/2021, thông qua giao dịch cầm cố tài sản cho vay, Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đã thỏa thuận cho 05 người vay tổng số tiền 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó thỏa thuận cho các anh: Hoàng Trung S vay số tiền 295.000.000 đồng, Phạm Duy L vay số tiền 35.000.000 đồng, Nguyễn Công Th vay số tiền 60.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ vay số tiền 120.000.000 đồng với mức lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày (bằng 109,5%/năm gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, cho anh Vũ Văn H vay số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày (182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Mức lãi suất mà L và Q thỏa thuận với 05 người vay nêu trên đã vượt gấp hơn 5 lần mức lãi suất cho vay cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 48.488.315 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

[2] Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như sau:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

...
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm."

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo Mai Văn L là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính đủ điều kiện được coi như chưa bị xử lý hành chính

nên là người có nhân thân xấu. Bị cáo Đỗ Thị Thiên Q là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Về hình phạt đối với các bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính đồng phạm, các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đều phạm tội vai trò là người thực hành, trong đó:

Bị cáo Mai Văn L là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị nguồn tiền để cho vay, là người trực tiếp giao dịch với người vay số tài sản cầm cố, số tiền cho vay và mức lãi suất cho vay đóng vai trò đầu trong vụ án, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng và phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Đỗ Thị Thiên Q là người trực tiếp quản lý số tiền cho vay, thực hiện việc giao tiền cho những người vay sau khi thỏa thuận xong, thu tiền gốc và lãi của người vay khi được trả, bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp đã trả lại: chiếc xe ô tô LACETTI SE-1 biển kiểm soát 90A-007.74 và chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, biển kiểm soát 35B1- 879.28 và giấy tờ xe cho Anh Hoàng Trung S; chiếc xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 35A-205.78 kèm theo giấy tờ xe và 01 thẻ căn cước công dân cho anh Nguyễn Văn Đ; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe SH 150I, biển kiểm soát: 29L5-299.37 cho anh Phạm Đức Ph (do anh Phạm Đức Ph cho anh Vũ Văn H mượn để cầm cố). Các anh Hoàng Trung S, Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn Ph là chủ sở hữu hợp pháp các tài sản nêu trên do vậy Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét.

- Đối với 01 quyển vở ô ly nhãn hiệu HONG HA loại 48 trang và 09 tờ giấy biên nhận bán xe có cùng kích thước (29,5 x 21) cm do Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q sử dụng để cho vay lãi nặng là tài liệu tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5] Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội

Đối với tổng số tiền 560.000.000 đồng L và Q dùng cho vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 50.000.000 đồng do Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q sử dụng cho anh Vũ Văn H vay lãi nặng cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do đã thu giữ được 43.322.000 đồng anh Vũ Văn H giao nộp nên cần buộc anh H tiếp tục nộp lại số tiền 6.678.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản tiền gốc 105.000.000 đồng anh Hoàng Trung S chưa trả cho các bị cáo cần buộc anh S nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với khoản 405.000.000 đồng cho vay, L và Q đã thu hồi gốc cần buộc các bị cáo phải liên đới nộp lại, theo phần: Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q, mỗi người phải nộp lại $\frac{1}{2}$, tương ứng với số tiền 202.500.000 đồng.

[6] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Số tiền 6.841.096 đồng tương ứng tiền lãi mức 20%/năm do Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q đã thu được từ việc cho các anh Hoàng Trung S, Nguyễn Công Th, Phạm Duy L, Nguyễn Văn Đ và Vũ Văn H vay tiền, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, theo phần: mỗi bị cáo phải nộp lại $\frac{1}{2}$ tương ứng với số tiền 3.420.548 đồng.

Tổng cộng số tiền Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phải liên đới nộp lại là 411.814.096 đồng. Do các bị cáo cùng sử dụng số tiền nêu trên vào việc chung nên theo phần mỗi bị cáo phải nộp $\frac{1}{2}$, tương ứng với số tiền 205.920.548 đồng.

[7] Đối với các khoản tiền các bị cáo thu lời bất chính.

Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q cho vay với lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lời bất chính, là khoản tiền các bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 123, khoản 2 Điều 131, Điều 288, Điều 290; khoản 1 Điều 468 và Điều 579 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm:

- Trả lại cho anh Hoàng Trung S số tiền 7.570.411 đồng, theo phần: mỗi bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho anh S $\frac{1}{2}$, tương ứng với số tiền 3.785.205,5 đồng.

- Trả lại cho anh Vũ Văn H số tiền 6.678.082 đồng, theo phần: mỗi bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho anh H $\frac{1}{2}$, tương ứng với số tiền 3.339.041 đồng.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 17.654.795 đồng, theo phần: mỗi bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đ $\frac{1}{2}$, tương ứng với số tiền 8.827.397,5 đồng.

(Tổng cộng mỗi bị cáo phải trả lại cho người vay 15.951.644 đồng)

Anh Phạm Duy L và anh Nguyễn Công Th không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền lãi vượt quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nguồn gốc số tiền cho vay.

Các bị cáo khai nhận đã sử dụng số tiền 510.000.000 đồng vay của ông Mai Văn T và bà Vũ Thị D1, sử dụng số tiền 42.500.000 đồng vay của anh Đinh Thế Q1 để cho vay lãi nặng. Ông Mai Văn T, bà Vũ Thị D1 và anh Đinh Thế Q1 không biết các bị cáo sử dụng số tiền vay vào việc phạm tội.

Đối với khoản tiền vay của ông Mai Văn T và bà Vũ Thị D1, do ông T và bà D1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền anh Đinh Thế Q1 cho vay, anh Q1 đề nghị buộc các bị cáo phải trả lại cho anh Q1. Do số tiền các bị cáo vay của anh Q1 đã bị tịch thu sung quỹ nhà nước, việc vay tiền giữa anh Q1 và các bị cáo là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện trước khi hành vi phạm tội xảy ra mà không phát sinh từ hành vi phạm tội của các bị cáo, cần giải quyết trên cơ sở nội dung thỏa thuận của hai bên để xác định chính xác khoản nợ gốc, lãi, thời hạn trả gốc lãi trên cơ sở tự định

đoạt của các bên mà đến nay chưa có đủ cơ sở để xác định nên anh Đinh Thế Q1 có quyền khởi kiện thành một vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Điệp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q bị kết án và có nghĩa vụ hoàn trả tài sản cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và $(15.951.644 \text{ đồng} \times 5\%) = 797.582 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Văn L;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị Thiên Q;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 123, khoản 2 Điều 131, Điều 288, Điều 290; khoản 1 Điều 468 và Điều 579 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Mai Văn L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Mai Văn L cho Ủy ban nhân dân phường TB, thành phố TĐ, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo Mai Văn L. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Mai Văn L 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2.2. Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thiên Q 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng);

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 560.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội và 6.841.096 đồng tiền do phạm tội mà có, cụ thể như sau:

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước số tiền 43.322.000 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) (hiện đang quản lý tại Tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp tại Kho bạc Nhà nước thành phố tam Điệp theo Ủy nhiệm chi lập ngày 11/01/2022 của Công an thành phố Tam Điệp).

- Buộc anh Vũ Văn H phải nộp lại số tiền 6.678.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng) đã vay của các bị cáo để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Buộc các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phải liên đới nộp lại số tiền 411.814.096 đồng (bốn trăm mười một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng) (bao gồm 405.000.000 đồng tiền sử dụng vào việc phạm tội và 6.841.096 đồng tiền do phạm tội mà có) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo phần mỗi bị cáo phải nộp 205.920.548 đồng (hai trăm linh năm triệu, chín trăm hai mươi nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Buộc anh Hoàng Trung S phải nộp lại số tiền 105.000.000 đồng (một trăm linh năm triệu đồng) đã vay của các bị cáo để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Mai Văn L và Đỗ Thị Thiên Q phải liên đới trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- Trả lại cho anh Hoàng Trung S số tiền 7.570.411 đồng (bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng), theo phần: mỗi bị cáo phải hoàn trả 3.785.205,5 đồng (ba triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, hai trăm linh năm phẩy năm đồng);

- Trả lại cho anh Vũ Văn H số tiền 6.678.082 đồng (sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng), theo phần: mỗi bị cáo phải hoàn trả 3.339.041 đồng (ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 17.654.795 đồng (mười bảy triệu,

sáu trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng), theo phần: mỗi bị cáo phải hoàn trả 8.827.397,5 đồng (tám triệu, tám trăm hai mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi bảy phẩy năm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả lại cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 797.582 (bảy trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm tám mươi hai đồng).

Án xử sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Quách Thành Trung